BỘ XÂY DỰNG
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX**

Số: 002623 /2014/BB-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2014*

# BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

## LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

PHM CHÍ SN
Digitally signed by PHM CHÍ SN
DN: C=VN, S=Hà Nị, L=Đng Đa, O=TNG CÔNG TY C PHN XUT NHP KHU VÀ XÂY DNG VIT NAM (VINACONEX), OU=Ban Giám Đc, T=Giám Đc Ban Đi Ngoi - Pháp Ch, CN=PHM CHÍ SN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND: 011761326
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2014/11/21 16:51:29 +07'00'

- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Vinaconex được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/4/2013;
- Căn cứ Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐQT ngày 09/10/2014 của Hội đồng quản trị về việc triển khai thủ tục lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản xin phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty mẹ.
- Căn cứ Thông báo số V536/2014-NAS/VSD-ĐK ngày 31/10/2014 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam về Danh sách Tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 28/10/2014.
- Căn cứ Quyết định số 0440/2014/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng quản trị về việc thành lập Ban kiểm phiếu và Ban giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Vào hồi 10h00, ngày 21/11/2014, tại Trụ sở chính của Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam – VINACONEX, Hội đồng quản trị Vinaconex đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, với thành phần Ban kiểm phiếu và Ban giám sát kiểm phiếu như sau:

**I. Thành phần Ban kiểm phiếu:**

1. Ông Nguyễn Thành Phương – Chủ tịch HĐQT – Trưởng ban
2. Ông Vũ Quý Hà – UVHĐQT, Tổng giám đốc (Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty) – Thành viên
3. Ông Đoàn Châu Phong – UVHĐQT – Thành viên
4. Ông Nguyễn Đình Thiết – UVHĐQT – Thành viên

**II. Thành phần Ban giám sát kiểm phiếu:**

1. Ông Đặng Thanh Huấn – Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Phạm Chí Sơn – Thành viên Ban kiểm soát

**III. Thư ký Ban Kiểm phiếu**

1. Ông Nguyễn Quốc Huy – Trưởng Tiểu ban Thư ký Tổng hợp

Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản với các nội dung và kết quả kiểm phiếu như sau:

## A. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN

- Tên tổ chức: Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam – VINACONEX

- Địa chỉ: 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

- Số Giấy CNĐKKD: 0100105616 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp (Đăng ký lần đầu ngày 01/12/2006 – Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/04/2012).

## B. MỤC ĐÍCH VÀ CÁC VẤN ĐỀ CẦN LẤY Ý KIẾN

### I. Mục đích lấy ý kiến

Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh giảm chỉ tiêu Kế hoạch Tổng sản lượng và Tổng doanh thu năm 2014 của Công ty Mẹ - Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam – VINACONEX theo Thư xin ý kiến cổ đông bằng văn bản số 2386/2014/XYK-HĐQT ngày 27/10/2014 của Hội đồng quản trị Vinaconex.

### II. Nội dung lấy ý kiến

1. Thông qua nội dung điều chỉnh giảm chỉ tiêu Tổng sản lượng và Tổng doanh thu trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty Mẹ Vinaconex như sau:
   - **Tổng giá trị sản lượng:** **4.805,3 tỷ đồng** *(bằng 83,0% kế hoạch đã thông qua)*
   - **Tổng doanh thu:** **3.376,5 tỷ đồng** *(bằng 84,2% kế hoạch đã thông qua)*
2. Thông qua dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan tới nội dung xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.

## C. NGUYÊN TẮC VÀ KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU:

### I. Nguyên tắc kiểm phiếu

1. Phiếu trả lời lấy ý kiến cổ đông được xem là không hợp lệ bao gồm:
   - Phiếu không được đựng trong phong bì dán kín
   - Phiếu không cho ý kiến biểu quyết
   - Phiếu không có chữ ký của cổ đông
   - Phiếu không theo mẫu Phiếu xin ý kiến của Vinaconex gửi
   - Phiếu gửi về sau ngày 18/11/2014 (theo dấu bưu điện).
2. Phiếu lấy ý kiến không được coi là phiếu tán thành bao gồm:
   - Phiếu không hợp lệ

- Phiếu lấy ý kiến đã gửi tới cổ đông nhưng cổ đông không gửi trả lời về Vinaconex theo địa chỉ đã thông báo.

3. Các quyết định được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phiếu biểu quyết chấp thuận.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

## II. Kết quả kiểm phiếu

1. Thời gian lấy ý kiến cổ đông: Từ ngày 4/11/2014 đến ngày 18/11/2014

2. Tổng số phiếu đã gửi đến địa chỉ đăng ký của cổ đông: 10.050 phiếu (theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/10/2014) tương ứng 441.710.673 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần được quyền biểu quyết.

3. Số phiếu thu về hợp lệ: 172 phiếu, tương ứng 377.725.765 cổ phần, chiếm tỷ lệ 85,514% số cổ phần được quyền biểu quyết.

4. Số phiếu thu về không hợp lệ: 6 phiếu, tương ứng 56.729 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,013% số cổ phần được quyền biểu quyết.

5. Số phiếu cổ đông không gửi trả lời về Vinaconex: 9.872 phiếu, tương ứng 63.928.179 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,473% số cổ phần được quyền biểu quyết.

*(Đính kèm danh sách cổ đông tham gia biểu quyết)*

**KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU**

| TT | Nội dung | Số phiếu | Số cổ phần biểu quyết | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phiếu biểu quyết "Đồng ý" | 156 | 377.614.796 | 85,489% |
| 2 | Phiếu biểu quyết "Không đồng ý" | 1 | 1.600 | 0,000% |
| 3 | Phiếu biểu quyết "Không có ý kiến" | 15 | 109.369 | 0,025% |
| 4 | Phiếu thu về nhưng không hợp lệ | 6 | 56.729 | 0,013% |
| 5 | Phiếu không gửi trả lời về Vinaconex | 9.872 | 63.928.179 | 14,473% |
| | Cộng | 10.050 | 441.710.673 | 100,000% |

## D. CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC THÔNG QUA:

Với số phiếu biểu quyết "Đồng ý" đạt tỷ lệ **85,489%** số cổ phần được quyền biểu quyết, căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Vinaconex, Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam đã quyết định: Thông qua toàn bộ nội dung trình ĐHĐCĐ phê duyệt theo Thư xin ý kiến cổ đông bằng văn bản số 2386/2014/XYK-HĐQT ngày 27/10/2014 của Hội đồng quản trị Vinaconex về việc điều chỉnh chỉ tiêu Tổng sản lượng và Tổng doanh thu của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, cụ thể như sau:

1. Thông qua nội dung điều chỉnh giảm chỉ tiêu Tổng sản lượng và Tổng doanh thu trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty Mẹ Vinaconex như sau:
   - **Tổng giá trị sản lượng:** **4.805,3 tỷ đồng** *(bằng 83,0% kế hoạch đã thông qua)*
   - **Tổng doanh thu:** **3.376,5 tỷ đồng** *(bằng 84,2% kế hoạch đã thông qua)*
2. Thông qua dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan tới nội dung xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Biên bản kiểm phiếu bao gồm 04 trang, được lập thành 03 (ba) bản, có đầy đủ nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Ban kiểm phiếu lưu giữ 01 (một bản); Ban giám sát kiểm phiếu lưu giữ 01 (một) bản và 01 (bản) lưu tại Văn phòng TCT Vinaconex.

**CHỮ KÝ BAN KIỂM PHIẾU**

**Nguyễn Thanh Phương**
**Chủ tịch HĐQT**

**Vũ Quý Hà**
**UVHĐQT – Tổng giám đốc**

**Đoàn Châu Phong**
**UVHĐQT**

**Nguyễn Đình Thiết**
**UVHĐQT**

**CHỮ KÝ BAN GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU**

**Đặng Thanh Huấn**
**Trưởng Ban kiểm soát**

**Phạm Chí Sơn**
**Thành viên Ban kiểm soát**

**THƯ KÝ BAN KIỂM PHIẾU**

**Nguyễn Quốc Huy**
**Trưởng Tiểu ban Thư ký Tổng hợp**

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM GIA BIỂU QUYẾT BẰNG VĂN BẢN GỬI VỀ TỔNG CÔNG TY VINACONEX (TRƯỚC 17GIỜ NGÀY 18/11/2014 THEO DẤU BƯU ĐIỆN)

| TT | Họ tên | Số ĐKSH | Ngày cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Đồng ý | Đồng ý | Không đồng ý | Không đồng ý | Không có ý kiến | Không có ý kiến | Không hợp lệ | Không hợp lệ | Ý kiến khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Thị Mậu | 011691870 | 17/05/2007 | số nhà 20 ngõ 203 Trường Chinh-Khương Mai- Thanh Xuân- HN | 20000 | 1 | 20000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 2 | Nguyễn Thị Hằng | 023800855 | 15/06/2000 | 29Lô A9 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P25, Bình Thạnh, HCM | 2700 | 1 | 2700 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 3 | Nguyễn Trần Hưng | 013564263 | 15/06/2012 | Số 54 Tô Vĩnh Diện, Thanh Xuân, Hà Nội | 9846 | 1 | 9846 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 4 | Vũ Thu Trang | 012465091 | 10/08/2001 | Số 54 Tô Vĩnh Diện, Thanh Xuân, Hà Nội | 3529 | 1 | 3529 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 5 | Lê Công Khanh | 300460013 | 09/11/2005 | 2/60 Cử Luyện, P5, Tân An, Long An | 1150 | | 0 | | 0 | 1 | 1150 | | 0 | |
| 6 | Nguyễn Thị Chung | 100608527 | 07/05/2009 | Tổ 67 Cẩm Tây, Cẩm Phả | 3000 | | 0 | | 0 | 1 | 3000 | | 0 | |
| 7 | Phạm Đình Yên | 170084289 | 02/03/1978 | Số 178 Trần Phú, Iam Sơn, Bỉm Sơn, Thanh Hóa | 4834 | 1 | 4834 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 8 | Lê Văn Lại | 220006250 | 24/09/2011 | 52/23 Yersin, Phương Sài, Nha Trang | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 9 | VŨ THỊ THU HÀ | B0970742 | 12/02/2012 | SN 2A, NGÁCH 128/10 NGÕ 128 HOÀNG VĂN THÁI, HÀ NỘI | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 10 | đồng Thị Lan Anh | 024444775 | 30/09/2005 | 205 đinh Tiên Hoàng, PTân định, Q1, HCM | 1223 | 1 | 1223 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 11 | Võ Văn Tuyên | 273182769 | 16/08/2001 | 18 + 19G1, Trung Tâm Thương Mại, P.7, TP.Vũng Tàu, Bà Rịa Vũng Tàu | 18000 | 1 | 18000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 12 | Trần Thị Phong | 171122682 | 04/07/1996 | 0988438767_(15101953)_Ba Đình, Bỉm Sơn, Thanh Hoá | 1700 | 1 | 1700 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 13 | Mai Thị Lan | 100544926 | 05/08/2005 | Tổ 98, Cẩm Phú, Cẩm Phả, Hạ Long, Quảng Ninh | 3200 | 1 | 3200 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 14 | NGUYỄN MINH HÙNG | 201400048 | 24/05/2008 | Tầng 7, 78A Duy Tân, Đà Nẵng | 15500 | 1 | 15500 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 15 | Lê Văn Quảng | 100592249 | 31/03/2005 | Tổ 8 - Khu 3 - Phường Hà Tu - Hạ Long - Quảng Ninh | 2000 | 1 | 2000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 16 | Nguyễn Văn Hường | 012381509 | 20/12/2010 | 45 Ngách 124/55 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội | 1000 | | 0 | | 0 | 1 | 1000 | | 0 | |
| 17 | Trần Văn Cường | 271581799 | 01/04/2005 | 147 ĐƯỜNG 3/2, KP5, T.T TRẢNG BOM, H. TRẢNG BOM, ĐỒNG NAI | 20000 | 1 | 20000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 18 | Trần Thị Hằng | 186031073 | 03/12/2000 | 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, Q.5, TP.HCM | 8383 | 1 | 8383 | | 0 | | 0 | | 0 | Đồng ý với 2 chỉ tiêu xin ý kiến, còn chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông không thay đổi |
| 19 | Dương Đức Anh | 011947598 | 27/04/2006 | Số 30 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội | 5500 | 1 | 5500 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 20 | Đồng Thị Nhớn | 030195720 | 27/02/2002 | 02 Khu E, Cát Bi, Hải An, Hải Phòng | 1283 | 1 | 1283 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 21 | Đỗ Xuân Nghề | 163073244 | 04/08/2007 | Đội 9, xã Yên Chính, Ý Yên, Nam Định | 1300 | 1 | 1300 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 22 | Đỗ Dũng | 171544779 | 19/05/2009 | 196 Phú Thọ 4 P.Phú Sơn Thanh Hóa | 5000 | 1 | 5000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 23 | Lê Văn Hiến | 010068648 | 15/09/2010 | 12C ngõ 73 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội | 5200 | 1 | 5200 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 24 | đỗ Bá Tuấn | 145096567 | 04/10/2008 | 0912696579_MK2707/Liên Khê, KHoái Châu, Hưng Yên | 1611 | 1 | 1611 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 25 | Đặng Hồng Hà | 024000809 | 21/01/2002 | 74 Nguyễn Bá Tuyển - P.12 - Q.Tân Bình | 1611 | 1 | 1611 | | 0 | | 0 | | 0 | |

| TT | Họ tên | Số ĐKSH | Ngày cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Đồng ý | Đồng ý | Không đồng ý | Không đồng ý | Không có ý kiến | Không có ý kiến | Không hợp lệ | Không hợp lệ | Ý kiến khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | Đoàn Văn Cao | 135520497 | 16/01/2007 | Trường Trung Cấp Nghề KTXD và Nghiệp Vụ, P. Đồng Xuân, TX Phúc Yên Vĩnh Phúc | 5524 | 1 | 5524 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 27 | Nguyễn Chí Lưu | 135779638 | 19/07/2012 | Tổ 5, P.Đồng Xuân, TX.Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc | 4360 | 1 | 4360 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 28 | Hoàng Thanh Chung | 011419966 | 10/05/2008 | 12 Ngõ 44 Nguyễn Đình Chiểu, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 19500 | 1 | 19500 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 29 | Nguyễn Thị Gái | 011648164 | 30/08/2005 | SN 5 Ngõ 8 Phùng Khoang, Từ Liêm Hà Nội | 6573 | | 0 | | 0 | 1 | 6573 | | 0 | |
| 30 | NGUYỄN NGỌC BÌNH | 021861573 | 27/03/1998 | 51 BIS, CƯ XÁ ĐỖ THÀNH, P4, Q3, TPHCM | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 31 | Phạm Thị Bích | 010039636 | 25/04/2011 | 50 ngách 1, ngõ 31 đường Nguyễn Chí Thanh | 2100 | | 0 | | 0 | 1 | 2100 | | 0 | |
| 32 | Nguyễn Đình Tuân | 012604514 | 05/05/2003 | Số 337B Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội(UTĐT) | 1611 | | 0 | | 0 | 1 | 1611 | | 0 | |
| 33 | Nguyễn Hồng Tiến | 031059395 | 03/04/2010 | Số nhà 3/34 Ngõ Nam Pháp I, Đằng Giang, Ngô quyền, Hải Phòng | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 34 | Nguyễn Ngọc Phượng | 111387184 | 26/04/2010 | Phòng KTVT CTCP Bêtông và XD Vinaconex Xuân Mai, CN Vĩnh Phúc Đạo Tú, Tam Dương, Vĩnh Phúc | 12300 | 1 | 12300 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 35 | Hoàng Thị Miêng | 010066232 | 23/03/2005 | 13 ngách 64/33 ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng, Hà Nội | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 36 | PHAN THỊ HOA | 030939937 | 21/04/2000 | 16/800A THIÊN LÔI, KÊNH DƯƠNG, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG | 2000 | 1 | 2000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 37 | Vũ Thị Hương | 111377157 | 22/12/1995 | Cụm 4, Xóm Phượng, Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội | 2089 | 1 | 2089 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 38 | Trương Thị Nhạn | 023188466 | 08/09/2005 | 47/2 QL 1K, KP2, P LINH XUÂN, THỦ ĐỨC, TP.HCM | 2000 | 1 | 2000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 39 | Từ Vĩnh Thắng | 210212195 | 07/05/2009 | 161 Ngô Mây - Quy Nhơn - Bình Định | 9000 | 1 | 9000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 40 | Đinh Quang Thanh | 012452096 | 18/06/2001 | Phòng TCHC, Trường Trung Cấp Nghề và Nghiệp Vụ, P. Đồng Xuân, TX Phúc Yên Vĩnh Phúc | 1610 | 1 | 1610 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 41 | Trần Thanh Bình | 024333635 | 20/01/2005 | 176/7 Hòa Bình, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM | 8050 | | 0 | | 0 | 1 | 8050 | | 0 | |
| 42 | Nguyễn Quốc Duy | 135081598 | 12/06/2006 | Khu 10, Trung Hậu, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội | 8472 | 1 | 8472 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 43 | Nguyễn Phước Đãi | 020246461 | 24/11/2007 | 33/10 Lê Văn Sỹ, P.13, Phú Nhuận, Tp.HCM | 2000 | 1 | 2000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 44 | Phan Thị Kỳ | 010196413 | 05/08/2004 | 3/26 Trần Quý Cáp, Văn Miếu, Hanoi, Viet Nam | 2000 | 1 | 2000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 45 | Nguyễn Thị Hải Yến | 225240540 | 19/09/2012 | 35 Đường 2/4, Nha Trang | 7000 | 1 | 7000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 46 | Trần Thị Thanh Hà | 225271160 | 26/06/2002 | 35 Đường 2/4, Nha Trang | 1500 | 1 | 1500 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 47 | Lâm Thị Kim Loan | 200020885 | 31/07/2008 | 84 Hồ Biểu Chánh - Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu - Đà Nẵng, Da Nang, Viet Nam | 5000 | 1 | 5000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 48 | Nguyễn Mậu Tặng | 125632587 | 05/08/2011 | TT Dịch vụ khu CN số 10, Lý Thái Tổ, Tp. Bắc Ninh | 3200 | 1 | 3200 | | 0 | | 0 | | 0 | Mong Ban lãnh đạo TCT có tinh thần trách nhiệm cao hơn trong điều hành để cổ tức 10-20% |

| TT | Họ tên | Số ĐKSH | Ngày cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Đồng ý | Đồng ý | Không đồng ý | Không đồng ý | Không có ý kiến | Không có ý kiến | Không hợp lệ | Không hợp lệ | Ý kiến khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 49 | Lê Xuân Hải | 010212155 | 24/07/2006 | Nhà 15, ngách 17, ngõ 371 La Thành, Đống Đa | 8000 | 1 | 8000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 50 | Trương Đắc Duy | 012765770 | 29/03/2005 | Số 7 ngõ 108, Lò Đúc, Hà Nội | 42000 | 1 | 42000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 51 | Nguyễn Thị Thường | 135389929 | 10/01/2006 | SN 411, Đường Trường Chinh, Phường Đồng Xuân, TX Phúc Yên, Vĩnh Phúc | 1500 | 1 | 1500 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 52 | Trần Thị Ngọc Mai | 020554037 | 12/02/2009 | 78/12 Phạm Viết Chánh, F.19, Q.Bình Thạnh TP.HCM | 5100 | 1 | 5100 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 53 | Nguyễn Chí Đức | 020102413 | 04/01/2000 | CC 203 Nguyễn Trãi, CH 12.5 Lô B, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TPHCM | 6000 | 1 | 6000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 54 | Trần Thị Thanh Trúc | 024300790 | 16/09/2004 | 113 Lô B, c/x Thanh Đa, P27, Q.Bình Thạnh Tp HCM | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 55 | Nguyễn Thanh Bình | 012179737 | 25/01/2014 | 73 Ngõ 97 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội | 20000 | | 0 | | 0 | 1 | 20000 | | 0 | |
| 56 | Bùi Hà Châu Giang | 011965805 | 12/11/2001 | 52 ngõ 643 đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội | 2500 | 1 | 2500 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 57 | Vũ Trọng Hùng | 011339615 | 21/01/2000 | P.208 nhà C ngõ 106 phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội | 5000 | 1 | 5000 | | 0 | | 0 | | 0 | Nên xem lại việc chia cổ tức, quá ít |
| 58 | Nguyễn Thùy Dung | 011549307 | 25/02/2008 | 136 NGUYỄN XIỂN, HẠ ĐÌNH, THANH XUÂN, HÀ NỘI | 7500 | 1 | 7500 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 59 | Nguyễn Thị Thuỷ Chung | 100968737 | 21/03/2005 | Hạ Long Quảng Ninh | 17062 | | 0 | | 0 | 1 | 17062 | | 0 | |
| 60 | Phùng Đức Quang | 0105700123 | 28/07/2014 | 34 Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | 26429 | 1 | 26429 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 61 | Trần Quốc Hiệp | 012296954 | 11/11/1999 | 322/39 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà nội | 50000 | 1 | 50000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 62 | Đinh Nguyễn Thu Trang | 012961181 | 14/04/2007 | 307B-C5B Nam Thành Công-Láng Hạ-Đống Đa-Hn | 3000 | 1 | 3000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 63 | Trần Quốc Trung | 012212500 | 01/03/2004 | 14 B2 TT Đại học Kinh tế Quốc Dân, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 3200 | 1 | 3200 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 64 | Tô Ngọc Thành | 011507039 | 17/09/2007 | Số 1604, nhà 17T9, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, HN | 44100 | 1 | 44100 | | 0 | | 0 | | 0 | Doanh thu so với sản lượng chỉ đạt 71%; Cần tăng cường công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành làm chứng từ thanh quyết toán |
| 65 | Nguyễn Tiến Dũng | 012354773 | 29/08/2006 | 773 Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 4400 | 1 | 4400 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 66 | Lê Thị Thanh Bình | 241028966 | 12/12/2012 | 35 Nguyễn Tất Thành, BMT, Đak Lak | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 67 | Võ Trọng Thịnh | 060492073 | 26/02/2010 | Số 112 Đinh Tiên Hoàng, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái | 1600 | | 0 | | 0 | 1 | 1600 | | 0 | Do số cổ phần không nhiều nên không tham gia sâu |
| 68 | Nguyễn Hữu Thiêm | 013233128 | 21/08/2009 | 02 Săm Brăm EaTam Buôn Ma Thuột Daklak | 1100 | 1 | 1100 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 69 | Bùi Anh Dũng | 021429642 | 05/07/2010 | Số 01 đường 160, KP3, P.Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, TP.HCM | 2095 | 1 | 2095 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 70 | NGUYỄN THÀNH LƯU | 095141188 | 23/10/2006 | Cty Viễn Thông Bắc Cạn, Tổ 1B, P. Phùng Chí Kiên, Thị xã Bắc Cạn B?c K?n | 10034 | 1 | 10034 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 71 | Phạm Xuân Mão | 010631210 | 24/11/2009 | A2 Lô 18 Khu Định Công, Hoàng Mai, HN | 1500 | 1 | 1500 | | 0 | | 0 | | 0 | |

| TT | Họ tên | Số ĐKSH | Ngày cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Đồng ý | Đồng ý | Không đồng ý | Không đồng ý | Không có ý kiến | Không có ý kiến | Không hợp lệ | Không hợp lệ | Ý kiến khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 72 | Ngô Thị Phương Thanh | 012681782 | 14/04/2004 | 129 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội | 49300 | 1 | 49300 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 73 | Nguyễn Thị Bích Phượng | 0116000102 | 22/05/2014 | Số 129, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội | 582000 | 1 | 582000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 74 | Nguyễn Quang Huệ | 010116798 | 15/07/2004 | 19 ngách 23 ngõ 82 phố Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa, Hà nội | 6000 | 1 | 6000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 75 | Nguyễn Văn Phương | 012930761 | 12/01/2007 | 31, Tổ Yên Bắc, Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội | 1600 | 1 | 1600 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 76 | Nguyễn Viết Ngọc | 012744759 | 26/11/2004 | số 051 - tập thể công ty TVXD đường thủy 1 - Cổ Nhuế - Từ Liêm - HN | 4029 | | 0 | | 0 | | 0 | 1 | 4029 | Không hợp lệ do không đánh dấu |
| 77 | Nguyễn Quang Hanh | 017202872 | 29/12/2010 | Tổ 4, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Hà Nội | 3000 | 1 | 3000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 78 | Đặng Văn Tính | 013106800 | 26/06/2008 | Số 10, ngõ 39, ngách 35, Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội | 19700 | 1 | 19700 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 79 | Nguyễn Hải Hà | 013632719 | 13/05/2013 | Cty ôtô Toyota Việt Nam, Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc | 2434900 | 1 | 2434900 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 80 | Nguyễn Thanh Phan | 200919348 | 10/12/1984 | 29 Trần Dư, Tam Kỳ, Quảng Nam | 2000 | | 0 | | 0 | 1 | 2000 | | 0 | |
| 81 | Cao Thị Long | 180530536 | 06/10/2006 | Xóm 24 - Xã Nghi Phú - Vinh - Nghệ An | 11000 | 1 | 11000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 82 | Nguyễn Thế Hiền | 020001265 | 22/04/2009 | 17 Nguyễn Thái Sơn, P.3, Q.Gò Vấp, TP.HCM | 6124 | 1 | 6124 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 83 | LÊ VĂN LÀNH | 022673231 | 10/01/2014 | 41/29/3 NGUYỄN OANH, P10, Q.GÒ VẤP, TP.HCM | 2000 | 1 | 2000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 84 | Trần Đức Lợi | 022970861 | 08/08/2012 | 2/2 Thăng long, P4, Q Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh | 10000 | 1 | 10000 | | 0 | | 0 | | 0 | Chỉ tiêu lợi nhuận không điều chỉnh (theo NQ số 10/2014/NQ-HĐQT ngày 9/10/2014) |
| 85 | Trần Duy Thành | 010271205 | 30/11/2006 | Nhà 60 Ngõ 36 Phố Lê Thanh Nghị P. Cầu Dền Q. HBT Hà Nội | 7030 | 1 | 7030 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 86 | NGUYỄN QUANG THỰC | 011600811 | 30/03/2006 | Phòng 2AB4, TT CTXD Số 1, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Hà Nội | 3223 | | 0 | | 0 | 1 | 3223 | | 0 | |
| 87 | Trịnh Thị Hồng | 012433119 | 14/03/2001 | Số 8 ngõ 352 đường K3 Tiểu đoàn 987 - Cổ Nhuế - Từ Liêm - Hà Nội | 2217 | 1 | 2217 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 88 | Bùi Quang Luyến | 111300926 | 02/04/2007 | Số nhà 26, Tổ 10, Phú La, Hà Đông, Hà Nội | 40000 | 1 | 40000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 89 | Nguyễn Hoàng Long | 112117934 | 28/04/2011 | Số 17 Khu T T Giáo viên Văn Khê, Tổ dân phố 1, La Khê,Hà Đông, HN | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 90 | Tôn Tích Quý | 011292797 | 16/01/2010 | Nhà 21, dãy D1 Khu Đô Thị Đại Kim Hà Nội | 2016 | 1 | 2016 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 91 | Nguyễn Quỳnh Hoa | 012191255 | 01/06/2013 | P408C, E2 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội | 9900 | 1 | 9900 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 92 | Dương Thị Lan | 012483670 | 14/09/2007 | Số 19, phố Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội | 2417 | 1 | 2417 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 93 | TRẦN THỊ NHƯ DUYÊN | 023627940 | 22/09/2007 | 25 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 5 Hồ Chí Minh | 124032 | 1 | 124032 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 94 | Trần Thị Thanh Loan | 181790708 | 13/11/2003 | Khối An Vinh, Phường Hưng Phúc, TP Vinh, Nghệ An | 1600 | | 0 | | 0 | | 0 | 1 | 1600 | Không hợp lệ do không đánh dấu, không ký tên |
| 95 | Trần Xuân Trung | 273261751 | 06/07/2004 | 357 Nguyễn An Ninh_P9_Vũng Tầu | 1100 | 1 | 1100 | | 0 | | 0 | | 0 | |

| TT | Họ tên | Số ĐKSH | Ngày cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Đồng ý | Đồng ý | Không đồng ý | Không đồng ý | Không có ý kiến | Không có ý kiến | Không hợp lệ | Không hợp lệ | Ý kiến khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 96 | Từ Viết Mão | 110566285 | 22/08/2006 | KTT Cty CP Que hàn điện Việt Đức, Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội | 2000 | 1 | 2000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 97 | Nguyễn Thị Xuân Hồi | 273394618 | 19/04/2007 | 299/5 Nguyễn Hữu Cảnh, P. Thắng Nhất Tp. Vũng Tàu, BRVT | 1110 | 1 | 1110 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 98 | Đào Thế Nguyên | 011181276 | 08/02/2001 | Số 12, Ngõ 180, Lò Đúc, Hà Nội | 3000 | 1 | 3000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 99 | Nguyễn Thị Kim Chi | 023004417 | 08/07/2011 | 45/8 Phạm Viết Chánh, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Ho Chi Minh, Viet Nam | 2000 | 1 | 2000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 100 | Nguyễn Thị Phương | 011813486 | 17/09/2003 | 66/109 Nguyễn Sơn Gia Thụy Long Biên Hà Nội | 12892 | 1 | 12892 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 101 | NGUYỄN ĐỨC LƯU | 011037610 | 06/02/2010 | P. 1808, Nhà 18T2, Khu đô thị Trung Hoà, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội | 29131 | 1 | 29131 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 102 | Nguyễn Quỳnh Ly | 012956167 | 03/04/2007 | P1808, 18T2, KDT Trung Hòa Nhân Chính, TX, Hà Nội | 1200 | 1 | 1200 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 103 | Lê Tuấn Lộc | 012984983 | 05/11/2008 | 5C N2 TT5 Bắc Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội | 5398 | 1 | 5398 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 104 | Phan Độc Lập | 012603645 | 09/03/2011 | 29 ngách 127/28 Hào Nam, Đống Đa, HN | 4000 | 1 | 4000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 105 | Nguyễn Thị Nhung | 141114667 | 20/03/2013 | NHNO&PTNT huyện Chí Linh - Hải Dương | 5000 | 1 | 5000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 106 | Lê Hồng Minh | 010426530 | 02/10/2010 | 44/43 Nguyễn Đình Chiểu, Hà Nội | 86000 | 1 | 86000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 107 | Nguyễn Thị Lương Thiện | 013018600002 | 30/08/2013 | Số 33, tổ 6A, p. Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hanoi, Viet Nam | 17600 | 1 | 17600 | | 0 | | 0 | | 0 | Doanh thu giảm nhưng lợi nhuận ko giảm chứng tỏ Vinaconex đang đi đúng hướng. Đề nghị HĐQT hoàn thành>100% kế hoạch lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thông qua |
| 108 | Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội | 0100109106 | 13/07/2010 | 1 Giang Văn Minh Ba Đình HN | 94010175 | 1 | 94010175 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 109 | Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | 0301103908 | 22/06/2012 | 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Tp.HCM | 350000 | 1 | 350000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 110 | Quan Quý Đông | 022977831 | 26/06/2009 | 241 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1- TpHCM | 25000 | 1 | 25000 | | 0 | | 0 | | 0 | Hoan nghênh giữ chỉ tiêu lợi nhuận; mong nhanh thu hồi nợ trong 2015 |
| 111 | Nguyễn Văn Hào | 030731097 | 05/05/2004 | Số 10 - Máy Tơ - Hải Phòng | 9000 | 1 | 9000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 112 | Vũ Thị Trúc | 030204107 | 09/12/2007 | 10/44 Lê Lai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng | 3200 | 1 | 3200 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 113 | Ngô Thị Thanh Huyền | 011284261 | 10/02/2014 | số 65 Đốc Ngữ, Ba Đình, Hà Nội | 10000 | 1 | 10000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 114 | Nguyễn Thị Thức | 111831226 | 30/07/2001 | NHCT Hà Tây - Hà Nội | 19000 | 1 | 19000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 115 | Nguyễn Đồng Điều | 142490572 | 02/08/2004 | Số 2A ngõ 176 Lê Trọng Tấn - Hà Nội | 13698 | 1 | 13698 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 116 | Trần Chí Thanh | 013568300 | 23/06/2012 | C26 No19, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội | 5000 | 1 | 5000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 117 | Nguyễn Quốc Bảo | 013808000005 | 03/01/2014 | Số 30, Ngõ 328/42 Lê Trọng Tấn Quận Hoàng Mai, Hà Nội | 2000 | | 0 | | 0 | 1 | 2000 | | 0 | |
| 118 | Vũ Thị Thơm | 011600678 | 27/08/2004 | 13/495 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam Hà Nội | 2700 | 1 | 2700 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 119 | Nguyễn Trường Giang | 168145111 | 10/10/2002 | Viện Công nghệ xi măng ngõ 122 Vĩnh Tuy, Hà Nội | 3200 | 1 | 3200 | | 0 | | 0 | | 0 | |

| TT | Họ tên | Số ĐKSH | Ngày cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Đồng ý | Đồng ý | Không đồng ý | Không đồng ý | Không có ý kiến | Không có ý kiến | Không hợp lệ | Không hợp lệ | Ý kiến khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 120 | Trần Thị Hà | 012400786 | 04/08/2010 | 13/259 phố Vọng, Đồng Tâm, HBT, HN | 20075 | 1 | 20075 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 121 | Đặng Quốc Anh | 022845555 | 12/01/2007 | Số 50, Phan Chu Trinh, P. Tân Thành, Q. Tân Phú Hồ Chí Minh | 10000 | | 0 | | 0 | | 0 | 1 | 10000 | Không hợp lệ do không đánh dấu |
| 122 | Vũ Thị Dung | 010271180 | 15/10/2008 | Số 49, Phố Võ Văn Dũng, Đống Đa Hà Nội | 90816 | 1 | 90816 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 123 | Nguyễn Quốc Thắng | 012198949 | 10/04/2010 | 25 ngõ 228 lê trọng tấn hà nội | 10000 | | 0 | | 0 | 1 | 10000 | | 0 | |
| 124 | Trịnh Thị Kim Huyền | 012526027 | 13/05/2002 | 22 ngõ 160 Hảo Nam -Đống Đa- H N | 1611 | 1 | 1611 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 125 | NGUYỄN ĐÌNH LOAN | 013515676 | 03/04/2012 | SỐ 52 NGÕ 181, ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH, KHƯƠNG MAI,THANH XUÂN, HN | 3000 | 1 | 3000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 126 | Đỗ Công Hiển | 012055844 | 03/10/2012 | C4, X25 TT bộ công an, ngõ 10 An Hoà, Hà Đông, Hà Nội | 44900 | 1 | 44900 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 127 | Nguyễn Xuân Phương | 011831678 | 10/03/1997 | Số 1102 A8 Trại Găng, Bạch Mai, Hà Nội | 2900 | | 0 | | 0 | | 0 | 1 | 2900 | Không hợp lệ do không đánh dấu |
| 128 | Nguyễn Thị Anh | 011822479 | 24/01/2008 | Văn phòng Tổng công ty CP XNKXD Việt Nam Vinaconex | 1600 | 1 | 1600 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 129 | Nguyễn Đăng Tế | 011520801 | 07/01/2002 | A3 khu C, tập thể ĐH Mỏ địa chất, huyện Từ Liêm,HN | 26930 | 1 | 26930 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 130 | Châu Minh Tâm | 011667863 | 09/09/2009 | P505,260 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội | 5000 | 1 | 5000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 131 | Hoàng Trung Kiên | 012614848 | 17/08/2003 | P502, nhà 15T, đường Nguyễn Thị Định, P. Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội | 26311 | 1 | 26311 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 132 | Đặng Thanh Huấn | 012758095 | 28/01/2005 | C12, TT HọcViện Hành Chính Quốc Gia, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội. | 15626 | 1 | 15626 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 133 | Nguyễn Thị Mai Hương | 012641673 | 25/05/2004 | 2 ngõ 92 Cửa Bắc-Ba Đình-Hà nội | 19924 | 1 | 19924 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 134 | Dương Đức Vũ | 013191967 | 24/07/2009 | A1, tầng 12B-CT2, tòa nhà VIMECO, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 135 | Vũ Quý Hà | 011344391 | 02/10/2013 | Tổng công ty Vinaconex - 34 Láng Hạ - Đống Đa - HN | 161800 | 1 | 161800 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 136 | Nguyễn Ngọc Điệp | 011553097 | 10/05/2007 | 52/108 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội | 60809 | 1 | 60809 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 137 | Vũ Thị Phương Nam | 011578549 | 09/11/2013 | Số 82, Ngõ 103, Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 72125 | 1 | 72125 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 138 | Dương Văn Mậu | 013269983 | 16/04/2010 | 1803 29T1 Trung Hòa- Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội | 10000 | 1 | 10000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 139 | NGUYỄN THÁI HÀ | 111366852 | 16/01/2007 | SỐ 34 LÁNG HẠ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI | 101172 | 1 | 101172 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 140 | Vũ Văn Mạnh | 012682568 | 11/06/2010 | Phòng 2204, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 2444 | 1 | 2444 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 141 | TRỊNH THỊ MAI | 012835212 | 04/11/2005 | 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội Hà Nội | 1900 | 1 | 1900 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 142 | Đặng Quốc Khánh | 011743934 | 09/04/2001 | 8E - Điện Biên Phủ - Hoàn Kiếm - HN | 10700 | 1 | 10700 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 143 | Đào Thị Lý | 012119070 | 12/08/2009 | Số 30B, ngách155/51,ngõc 155 Cầu Giấy, Hà Nội | 30000 | 1 | 30000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 144 | Nguyễn Lê Thu Hiền | 013005499 | 14/09/2007 | P805 tòa nhà 25T2 - Trung Hòa Nhân Chính - Cầu Giấy - Hà Nội | 257300 | 1 | 257300 | | 0 | | 0 | | 0 | |

| TT | Họ tên | Số ĐKSH | Ngày cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Đồng ý | Đồng ý | Không đồng ý | Không đồng ý | Không có ý kiến | Không có ý kiến | Không hợp lệ | Không hợp lệ | Ý kiến khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 145 | Ngô Thị Diệu Thúy | 011369286 | 01/09/2004 | P403 - 17T4 - Trung Hoà - Nhân Chính - Hà Nội | 23500 | 1 | 23500 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 146 | Nguyễn Quốc Hòa | 011512180 | 29/03/2007 | Ban tài chính kế hoạch, tổng công ty Vinaconex | 300000 | 1 | 300000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 147 | Hoàng Hải Yến | 121464820 | 01/12/2000 | 59A Ngõ 201 Cầu Giấy | 22074 | 1 | 22074 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 148 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 010099247 | 17/08/2004 | Công Ty Vinaconex | 4400 | 1 | 4400 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 149 | Nguyễn Công Tam | 011774940 | 10/01/2007 | Số 199 Tổ 1 Cụm 3 Ngọc Hà -Hà Nội | 43500 | 1 | 43500 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 150 | HÀ TỐ CHINH | 011983670 | 07/08/1996 | P2303, Tòa Nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa Hà Nội | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 151 | Nguyễn Tuấn Cường | 011791357 | 09/10/2013 | Tòa nhà Vinaconex khu ĐTM Trung Hòa, Nhân Chính, Hà Nội | 279100 | 1 | 279100 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 152 | Nguyễn Thị Thúy Hồng | 0117400015 | 20/12/2012 | 34 Láng Hạ, Hà nội (Tầng 22) | 60000 | 1 | 60000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 153 | Nguyễn Thị Minh Hằng | 011129720 | 03/11/2006 | 64 NGO 295 BACH MAI, HAI BA TRUNG, HA NOI | 1600 | | 0 | 1 | 1600 | | 0 | | 0 | |
| 154 | Phạm Thị Hồng Hiền | 011835693 | 16/05/2006 | PGDTT BIDV Ha Thanh | 32200 | | 0 | | 0 | | 0 | 1 | 32200 | Không hợp lệ do không đánh dấu |
| 155 | Huỳnh Thị Mỹ Linh | 301397302 | 16/10/2006 | Lô 16 đường Số 2, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, HCM | 2450 | 1 | 2450 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 156 | CTCP Chứng khoán Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT VN | 08/GCNTVLK | 07/07/2006 | Tầng 4, Nhà C3, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội | 3223 | 1 | 3223 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 157 | Công ty cổ phần Ma San | 0302100924 | 29/07/2009 | P802, tầng 8, Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P Bến Nghé, Q1, TP HCM | 5047 | 1 | 5047 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 158 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội | 71/GCNTVLK | 29/11/2007 | Tầng 3, Toà nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 654800 | 1 | 654800 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 159 | MARKET VECTORS ETF TRUST-MARKET VECTORS-VIETNAM ETF | CA2930 | 13/04/2009 | 99 PARK AVENUE,8TH F1 NEW YORK NY 10016 U.S.A | 18674797 | 1 | 18674797 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 160 | BGI FRONTIER MARKETS FUND B | CS7593 | 19/09/2007 | 45 FREMONT STREET, SAN FRANCISCO, CALIFORNIA,USA | 93 | 1 | 93 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 161 | TEACHER RETIREMENT SYSTEM OF TEXAS | CA6927 | 18/03/2014 | 1000 Red River Street, Austin Texas 78701-2698 United States | 440000 | 1 | 440000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 162 | GLOBAL MACRO CAPITAL OPPORTUNITIES PORTFOLIO | CA6725 | 02/12/2013 | 2 International Place, Boston, MA 02110 | 37700 | 1 | 37700 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 163 | EATON VANCE STRUCTURED EMERGING MARKETS FUND | CA1366 | 19/06/2008 | 255 STATE STREET BOSTON MASSACHUSETTS 02109 USA | 621655 | 1 | 621655 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 164 | EATON VANCE TAX-MANAGED EMERGING MARKETS FUND | CA1368 | 19/06/2008 | 255 STATE STREET BOSTON MASSACHUSETTS 02109 USA | 459600 | 1 | 459600 | | 0 | | 0 | | 0 | |

| TT | Họ tên | Số ĐKSH | Ngày cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu | Đồng ý | Đồng ý | Không đồng ý | Không đồng ý | Không có ý kiến | Không có ý kiến | Không hợp lệ | Không hợp lệ | Ý kiến khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 165 | PUBLIC EMPLOYEES RETIREMENT ASSOCIATION OF NEW MEXICO | CA5603 | 15/12/2011 | 33 Plaza La Prensa Santa Fe New Mexico 87507, USA | 80000 | 1 | 80000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 166 | FÆMANDSFORENING EN LÆRERNES PENSION INVEST | CA5842 | 05/07/2012 | Sundkrogsgade 7, DK-2100 Copenhagen, Denmark | 150000 | 1 | 150000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 167 | UPS GROUP TRUST | CA7161 | 05/06/2014 | 55 Glenlake Parkway, NE Atlanta GA 30328 | 752700 | 1 | 752700 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 168 | PPL SERVICES CORPORATION MASTER TRUST | CA3194 | 08/03/2009 | 2 North Ninth Street Allentown, PA 18101 | 85620 | 1 | 85620 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 169 | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH | 0101992921 | 03/11/2011 | Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội | 255251153 | 1 | 255251153 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 170 | Nguyễn Thành Phương | 011114002 | 13/11/2013 | Số 66, ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng, Hà Nội | 257000 | 1 | 257000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 171 | Trần Huyền Ngọc | 011016547 | 19/10/2006 | 107 I1- Thanh Xuân - Hà Nội | 5157 | 1 | 5157 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 172 | NGUYỄN XUÂN THỌ | 030918467 | 26/09/2007 | 6/37 HẠ LÝ, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG | 15500 | 1 | 15500 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 173 | Trần Phương | 012355573 | 26/09/2009 | P305, F14A, ngõ 41 đường Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội | 1000 | 1 | 1000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 174 | NGUYỄN THỊ HẬU | 022387553 | 16/11/2004 | 120/60 VŨ TÙNG, P.2, Q.BÌNH THẠNH, TP HCM | 18000 | 1 | 18000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 175 | Nguyễn Tri Đồng | 013016497 | 26/10/2007 | B2, viện IMI, 46, Láng Hạ, Hà Nội | 1611 | 1 | 1611 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 176 | Trần Thị Nga | 190885367 | 28/04/2010 | 98 Đinh Tiên Hoàng, Thuận Thành, Huế | 30000 | 0 | 0 | | 0 | 1 | 30000 | | 0 | |
| 177 | Thiều Quang Cường | 205540608 | 19/03/2012 | K331 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam | 6000 | 0 | 0 | | 0 | | 0 | 1 | 6000 | Không hợp lệ do không ký tên |
| 178 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG HUYỀN | 030922953 | 26/09/2007 | 6/37 HẠ LÝ HỒNG BÀNG HẢI PHÒNG | 13000 | 1 | 13000 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| | **TỔNG CỘNG:** | | | | | **156** | **377,614,796** | **1** | **1,600** | **15** | **109,369** | **6** | **56,729** | |
| | **Tỷ lệ phần trăm** | | | | | | **85.489%** | | **0.000%** | | **0.025%** | | **0.013%** | |